TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 692/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 383/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc "Ệ_PHÁP_LuẬT Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số B Đường E, khu phố F, phường T (trước đây là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Anh K, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số B Đường E, khu phố F, phường T, (trước đây là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/9/2025, bà Võ Thị T và ông Trần Anh K đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/9/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Trần Anh K công nhận Ệ_HÔN_NHAN thuận tình ly hôn

- Về con chung: Bà Võ Thị T và ông Trần Anh K cùng trình bày có 01 con chung tên Trần Minh K1 (giới tính nam, sinh ngày: 02/01/2021). Hai bên thống nhất giao con chung Trần Minh K1 cho ông Trần Anh K trực tiếp nuôi dưỡng và bà Võ Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện vào ngày 15 dương lịch của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2025.

Việc cấp dưỡng do bà Võ Thị T và ông Trần Anh K tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực và người có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền gốc và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Trần Anh K cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Võ Thị T và ông Trần Anh K cùng chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà Võ Thị T và ông Trần Anh K đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016828 ngày 11/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị T và ông Trần Anh K đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 19 tháng 12 năm 2019 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 2- TP.HCM;
- THADS TP.HCM (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - TP.HCM);
- UBND P. Tăng Nhơn Phú, TP.HCM;
- Lưu:VT, HS.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh